

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-12-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Phước Linh

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Xuân Oanh – Ông Trần Quốc

Đầu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hải Yên - Thư ký tòa án nhân dân thành phố V

- Đại diện VKSND Thành phố V tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tú

- Chức vụ: Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố V mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 288/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 08 năm 2022 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68 ngày 6/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Lan A; Sinh năm: 1979; Nơi ĐKKHKT: Xóm Đ H, xã Đ H, thị xã T H, tỉnh Nghệ An; Có mặt tại phiên tòa;

Bị đơn: Ông Phạm Nhật G; Sinh năm 1979; Nơi cư trú: Phòng 1501, Khu A, CT 2B chung cư Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày, bản tự khai và những lời trình bày của bà Bùi Thị Lan A: bà và ông Phạm Nhật G lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 01 năm 2021 tại Ủy ban nhân dân xã Phù Lưu, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc tại chung cư QT, phường Q T, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Đến đầu năm 2022, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu

thuần là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống gia đình tù túng, ngột ngạt. Mâu thuẫn trầm trọng nhất kể từ tháng 06 năm 2022, vợ chồng cảm thấy không thể chung sống với nhau được nữa nên đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay, tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Bùi Thị Lan A yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố V giải quyết ly hôn ông Phạm Nhật G.

Về con chung: Bà Bùi Thị Lan A và ông Phạm Nhật G không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Bùi Thị Lan A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Nhật G không đến làm việc tại Tòa án, nên Tòa án không có lời khai của ông G.

Tòa án tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương nơi ông G cư trú (Công an và Ủy ban nhân dân phường Quang Trung) kết quả: Ông Phạm Nhật G có đăng ký hộ khẩu tại phường Quang Trung, thành phố V, tỉnh Nghệ An nhưng hiện nay ông G không còn sinh sống tại nơi ông đăng ký thường trú, ông G đi đâu không báo cho chính quyền biết. Thời gian gần đây, không thấy vợ chồng anh G sinh sống tại nơi cư trú, vợ chồng không có con chung, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì chính quyền địa phương không nắm rõ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố V phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; việc thụ lý và giải quyết đúng vụ án đúng quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; xác định đúng tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo đúng quy định. Hội đồng xét xử cũng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Lan A, bà L A được ly hôn ông Phạm Nhật G. Về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu nên Tòa án không phải xem xét. Về án phí: bà Bùi Thị Lan A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình, bị đơn là ông Phạm Nhật G có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại CT 2B chung cư Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vì vậy Tòa án nhân dân thành phố V thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, triệu tập nguyên đơn, bị đơn để lấy lời khai, công khai chứng cứ, hòa giải, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt, nên các bên đương sự không thống nhất được về nội dung giải quyết vụ án.

Về sự xét xử vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho ông G theo quy định tại Điều 22 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên, ông G vẫn vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa mà không có lý do; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Nhật G.

[2]. Về nội dung vụ án:

2.1. Quan hệ hôn nhân giữa bà Bùi Thị Lan A và ông Phạm Nhật G là hợp pháp, vì kết hôn tự nguyện, được Ủy ban nhân dân có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật công nhận, bảo vệ.

2.2. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thị Lan A thấy: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn trầm trọng nhất kể từ tháng 6 năm 2022, vợ chồng không thể sống chung cùng nhau nên đã sống ly thân. Xét thấy vợ chồng có mâu thuẫn, mâu thuẫn trầm trọng thể hiện rõ nét là ông G và bà L A đã sống ly thân nhau từ tháng 6 năm 2022 cho đến nay. Bà L A khẳng định không còn tình cảm vợ chồng với ông G nữa. Như vậy, tình cảm vợ chồng thật sự không

còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình thấy cần cho bà Bùi Thị Lan A được ly hôn ông Phạm Nhật G là phù hợp.

2.3. Về con chung: bà Bùi Thị Lan A và ông Phạm Nhật G không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4. Về tài sản chung, nợ chung: bà Bùi Thị Lan A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Bùi Thị Lan A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị nêu trên của Việt kiểm sát nhân dân thành phố V thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Bùi Thị Lan A: Bà Bùi Thị Lan A được ly hôn ông Phạm Nhật G.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Bùi Thị Lan A phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà đã nộp theo Biên lai thu số 0010256 ngày 22/08/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố V. Bà Bùi Thị Lan A đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Bùi Thị Lan A có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Nhật G vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- VKSND TP V;
- Chi cục THADS TPV;
- UBND xã P L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hồ Phước Linh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quốc Đấu Nguyễn Thị Xuân Oanh

Hồ Phước Linh